HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2024/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 05 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nhiệm vụ chi và một số mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc ban hành nghị quyết về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi và một số mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 138/BC-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nhiệm vụ chi và một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định nhiệm vụ chi, nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI , Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo, Báo LC, Cổng TTĐT, Đài PTTH tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nhiệm vụ chi và một số mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này phân định cụ thể các nhiêm vụ chi và một số mức chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh (cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã);

b) Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường; Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị; tổ chức việc xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn và xử lý các loại chất thải khác *(chất thải nguy hại, vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng...)* phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm: Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử

lý của tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp tỉnh.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ; trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải;

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo dự án đầu tư;

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

d) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh;

b) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

c) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh *(Trừ công tác lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học)*;

d) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh;

đ) Hoạt động phát triển thị trường các bon trong nước;

e) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh;

g) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh;

h) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất

làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh.

6. Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

7. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

8. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật.

9. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm quản lý của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn;

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ảnh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi

trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường cấp tỉnh xảy ra trên địa bàn;

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

k) Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai;

l) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp huyện;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp huyện;

c) Hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm của cấp huyện quản lý;

d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của cấp huyện quản lý.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp huyện.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi

trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp huyện quản lý;

b) Đầu tư mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp huyện theo dự án đầu tư;

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, thuộc nhiệm vụ của cấp huyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học thuộc nhiệm vụ của cấp huyện.

6. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, trong cộng đồng;

b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

7. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện;

b) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ảnh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường;

c) Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường cấp huyện xảy ra trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp huyện;

d) Quản lý, công bố thông tin về môi trường thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện; ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp huyện theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường khác do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm: Tổ chức thống kê và quản lý các loại chất thải sinh hoạt, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát sinh trên địa bàn; tổ chức hoạt động giữ gìn vệ sinh, cải tạo cảnh quan nông thôn; quy định về hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã.

3. Kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân và đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường trên địa bàn, thuộc nhiệm vụ của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học *(quản lý nguồn gen trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã*).

5. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường và quản lý chất thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp của cấp huyện; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

b) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ảnh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;

c) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường thuộc trách nhiệm quản lý của cấp xã;

d) Tổ chức thu thập thông tin về môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do cấp huyện giao.

Điều 5. Mức chi một số nhiệm vụ về bảo vệ môi trường

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	**Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ**				
1.1	Chủ tịch Hội đồng	người /buổi	500	350	250
1.2	Thành viên, thư ký	người /buổi	200	150	100
1.3	Đại biểu được mời tham dự	người /buổi	100	70	50
1.4	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	350	250
1.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	200	150

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	**Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý trường hợp không thành lập hội đồng** *(tối đa không quá 5 bài viết)*				
2.1	Lấy ý kiến thẩm định dự án/nhiệm vụ bằng văn bản của nhà quản lý	Bài viết	200	150	150
2.2	Lấy ý kiến thẩm định dự án/nhiệm vụ bằng văn bản của chuyên gia	Bài viết	500	350	350
3	**Điều tra, khảo sát**				
3.1	Lập mẫu phiếu điều tra	mẫu được duyệt	500	400	320
3.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin		Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định một số mức chi thực hiện các cuộc điều tra, thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định		
3.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu *(trường hợp thuê ngoài)*	Người /ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày =200% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)		
3.4	Chi cho người dẫn đường trong trường hợp điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường	người/ngày	100	100	
3.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp cần có người phiên dịch cho điều tra viên	người/ngày	200	200	
4	**Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ**				
4.1	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ	4.000	3.000	2.000
4.2	Dự án				
-	Dự án có giá trị dưới 2 tỷ đồng	Dự án	10.000	7.000	5.000
-	Dự án có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng	Dự án	12.000	8.500	6.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
-	Dự án có giá trị từ 10 tỷ đồng	Dự án	15.000	10.500	7.500
5	**Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ về môi trường**				
5.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:				
-	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	400	300	
-	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	150	
5.2	Nghiệm thu dự án:				
-	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	350	
-	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	200	150	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	350	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	200	
-	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	70	
6	**Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp/ cấp đổi/điều chỉnh giấy phép môi trường; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)**				
6.1	Họp hội đồng thẩm định				
-	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	700		
-	Phó Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	600		
-	Ủy viên, thư ký hội đồng	người/buổi	300		
-	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150		
6.2	Họp đoàn kiểm tra/tổ thẩm định				
-	Trưởng đoàn kiểm tra/tổ trưởng tổ thẩm định	người/buổi	500	350	
-	Phó trưởng đoàn	người/buổi	300	210	
-	Thành viên/thư ký	người/buổi	200	140	
-	Đại biểu tham dự	người/buổi	100	70	
6.3	Ghi bản nhận xét, đánh giá				
-	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
-	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	300		
-	Bài nhận xét của ủy viên đoàn kiểm tra/tổ thẩm định	Bài viết	300	210	
-	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét khong quá 03 bài viết/dự án	Bài viết	400		
7	**Hội thảo khoa học (nếu có)**				
7.1	Người chủ trì	người/buổi	300	150	100
7.2	Thư ký hội thảo	người/buổi	150	100	80
7.3	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	70	50	40
7.4	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	200	150
8	**Chi giải thưởng môi trường**				
8.1	Tổ chức, cộng đồng	Giải	6.000		
8.2	Cá nhân	Giải	3.000		